

## BẢN LUẬN QUYỂN 87

Thứ năm, là Môn Đại, giải thích về nhân v.v.... Bài tụng trước nêu sáu môn: 1/ Nhân; 2/ Thắng lợi; 3/ Hai trí; 4/ Phần vị người ngu; 5/ sự Khác nhau của hai thứ kiến; 6/ Thánh giáo v.v... ở đây.

Kế là, trong phần dùng Văn xuôi để giải thích, gồm có sáu đoạn: Đầu tiên là giải thích môn nhân. Luận sư Cảnh nói: “Nhân chung cho đến thấm nhuần tự thể”. Hỷ, giống như hỷ lạc. Vì năm uẩn hỷ lạc, nên huân tập trở thành hạt giống của danh ngôn, là nhân chánh của sự thọ sinh, nên làm nhân trước. Đã do hỷ lạc ở chỗ sinh kia, nên chướng ngại cho sự nhàm, lia.

Hỏi: “Lúc thọ sinh có nhân phiền não v.v..., vậy tại sao chỉ nói hỷ ư?”. Luận chủ đáp: “Vì dục, sẽ sinh chỗ được sinh cho đến “Chẳng phải ở nơi đó, khởi tướng nhàm trái.”

Hỏi: “Ở trước đã nói hỷ là Tập sắc, riêng làm Tập thọ, danh sắc làm Tập thức. Vì sao trong đây lại nói hỷ làm nhân sinh ra năm uẩn ư?”

Đáp: “Vì hỷ làm chánh nhân sinh khắp năm uẩn, như ở đây đã nói. Ở trước, sở dĩ nói Hỷ làm Tập sắc là vì sắc chỉ có nhân hỷ của đời trước, tức sinh, không đồng với thọ uẩn còn phải nhờ xúc “duyên” thức, nhờ vào danh sắc, mới được sinh khởi, nên nói rằng: “Lại, tức hỷ này chỉ dựa vào sắc, nói nhân đời trước. Sinh xong, không đợi nhân khác, vì rất ráo chuyển.”

Nói “Nhân không chung cho đến “mới được sinh khởi”, nghĩa là thuận với xúc như lạc v.v..., đối với tất cả tâm pháp như thọ v.v... làm duyên, rất dễ hiểu. Thức do ý vô gián diệt và ba uẩn “Câu sinh”. Danh của bốn uẩn này và sắc của mười thứ: Năm căn, năm trần, làm duyên cho sáu chủng thức, đều là nhân không chung.”

Hỏi: “Thọ và thức đều sinh ra từ nhân kiếp trước, thế sao lại nói là xúc và danh sắc ư?”, nên về sau đáp: “Do thức, thọ kia là từ nhân trước sinh, nhưng trong từng sát-na, sát-na, vẫn còn phải đợi nhân khác, mới được sinh khởi.”

Luận sư Đạt nói “Nói hỷ, ái, do ái này phát sinh thấm nhuần v.v..., tức là huân tập danh ngôn”, nên Nhiếp Luận nói: “Lúc nhãn căn này sinh, vì từ thọ này huân tập, sinh khắp năm uẩn, nên nói là nhân chung, nhưng sở dĩ ở trước nói do Tập hỷ, là vì theo mạnh mà nói. Sắc uẩn chỉ sinh từ hỷ, bốn uẩn còn lại cũng đợi căn, trần v.v... hiện tại, cho nên nói riêng, vì tập hỷ, nên tập sắc. Đoạn văn ở trước cũng nói: “Vì tập

xúc, nên tập thọ vì tập danh sắc, nên tập thức”, là nói trong nhân không chung. Bốn uẩn còn lại này chỉ sinh quả mình, bất sinh, chung quả khác, nên nói là nhân không chung.

Thứ hai, là giải thích sự thắng lợi, được chia làm hai.

1/ Nói La-hán có bốn thắng lợi.

2/ Nhân nói Tát-ca-da kiến là gốc sinh ra sáu mươi hai kiến.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói: “1-Tánh luôn thường trú khi ở nơi hành”, tức sáu thường trú, nghĩa là mắt thấy sắc, bất sinh lo, mừng, chỉ dừng lại ở tâm xả, trụ niệm, tuệ, cho đến ý “duyên” pháp cũng vậy. 2- Tánh của vô thường, lúc ở nơi trụ, trụ, nghĩa là trụ nơi Diệt đế. 3- Nhân xưa đã sinh các hành nhậm vận quy diệt, nghĩa là quả báo tàn dư của La-hán, đáp lại thế lực nhân trước, vì thế lực của nhân đã hết, nên nhậm vận (tùy ý) mà diệt, tức Niết-bàn hữu dư. 4- Hành hữu sau, nay, vì nhân đoạn, nên không còn sinh nữa, nghĩa là phiền não trong thân La-hán đã dứt, báo đương lai sẽ bất sinh, là nhập vô dư. Ba lần lượt như vậy.

“Ngoài kia do hai thứ này, hoặc đi, hoặc đứng cho đến “mà nhập Niết-bàn”, nghĩa là nhập hữu dư vậy.

“Trước đã sinh hữu cho đến “không còn sinh nữa”, là nhập vô dư.

Luận sư Đạt nói: “Trong đây, đầu tiên, là nói về sự thắng lợi của sự chứng đắc. Kế là, từ “làm chứng như thế v.v... trở xuống, là nói về nhân tố thắng lợi của chứng đắc. Trong bốn thắng lợi, hai thắng lợi trước là đạo “năng chứng”, hai thắng lợi sau, là Niết-bàn vô dư “sở chứng”.

Trong phần trước, nói “Lúc ở nơi hành, tánh luôn thường trú”, nghĩa là nói trụ giới đoạn, giới không có dục diệt và giới Hữu dư Niết-bàn.

Nói “Tánh trụ của vô tướng khi ở nơi trụ”, nghĩa là nói trụ cõi Niết-bàn vô dư.

“Nhậm vận quy diệt”, nghĩa là nói diệt hiện thân, nhập Niết-bàn vô dư.

“Đoạn nhân hạnh của hữu sau bất sinh”, nghĩa là nói rõ thân sau bất sinh, nên nhập Niết-bàn vô dư. Trong y cứ nhân chứng đắc Niết-bàn vô dư. 1- Y cứ ở ba thứ lần lượt, để nói về nhân “năng đắc”.

2- “Lại, khi ở hành v.v... trở xuống, là giải thích lại thắng lợi ở trước kia. Nói “Nhàm lìa trong y cứ lần lượt trước”, nghĩa là kiến đạo từ phương tiện mà được tên. Lìa dục nghĩa là tu đạo, tâm khéo giải thoát là đạo vô học.

Y cứ trong giải thích lại thắng lợi, đầu tiên là giải thích lại đạo “năng chứng”. 1- “Đó do là hai” trở xuống, là giải thích lại Niết-bàn đã chứng.

Trong y cứ giải thích lại “năng chứng”, chỉ giải thích một giải thích đầu, không giải thích một giải thích sau.

Dưới đây theo thứ lớp, nhân nói thân kiến làm gốc, sinh ra sáu mươi hai kiến.

Trong văn, đầu tiên, là nói thân kiến là gốc sinh sáu mươi hai kiến. Tiếp theo, nói về lý do khởi sáu mươi hai kiến. Sau nói sáu mươi hai kiến là ba suy tổn.

Trong phần đầu, ba đời tức gọi là ba phần. Nói “mé trước đều hiện hành”, nghĩa là như có người nghĩ rằng: “Ngã đã từng có ở đời quá khứ chăng?” v.v.... Nghĩa là vì vô tri, nên do dự, vì do dự, nên chấp ngã.

Mé trước, sau đều hiện hành, tức gồm thu hai đời trước làm đời thứ ba. Cũng có thể pháp hiện tại hình thành song song quá khứ, vị lai. Kế là, nói về nguyên nhân khởi sáu mươi hai kiến, trong đó được chia làm hai: Đầu tiên, là nói dựa vào thân, khởi sáu mươi hai kiến. Sau nói về nhân duyên sinh khởi của sáu mươi hai kiến.

“Bốn thường kiến trong phần trước”, nghĩa là có các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... nói rằng: “Ta đã dùng vô số phương tiện để tu tập, chứng được tam muội của ý định. Vì sức tam muội nên nhới lại việc thành, hoại trong hai mươi kiếp, chúng sinh trong đó không thêm, không bớt, thường trú, không lay động”. Do đây nên biết “ngã” và thế gian, tất cả đều thường.

Thứ hai, là biết bốn mươi kiếp. Thứ ba, là có thể nhớ tám mươi kiếp. Thứ tư, là trực tiếp dùng tri kiến, nhanh chẹn nói: “Ngã” và các thế gian tất cả đều thường. Ba người trước đều dựa vào thiền định, biết kiếp nhiều ít.”

Luận thường kiến của một phần tư, nghĩa là như nói: “Kiếp sơ, Phạm Vương sinh trước, nhìn thấy cung điện của Phạm trống rỗng, nghĩ rằng: “Chỗ này trống trải, các phạm được sinh.” Do ý nghĩ này, Nhị thiên trở lên, các vị trời chết đi, sinh đến nơi đây. Phạm vương nghĩ rằng: “Ta là thường, do ta sinh ra chúng phạm kia.” Chúng phạm lại nói: “Ta từ Đại Phạm Vương sinh Phạm Vương là thường. Các chúng Phạm chết đi, cho đến sinh trong loài người xuất gia, tu đạo, được trí túc mạng. Biết được quá khứ của mình đã từng sinh Phạm Thiên, Phạm Vương là thường, có thể sinh muôn vật.”

“Ngã thường, vô thường, do nghĩa này, nên “ngã” và thế gian,

hoặc thường hoặc vô thường.

Lại có các vị trời quên mất khi dạo chơi ở cõi Dục. Do dạo chơi quên mất, thất niệm mạng chung, đến trong loài người xuất gia, được định, thấy quá khứ của mình từng được sinh ở trời Dục. Do quên mất ý, nên chết đi. Người không quên mất ý thức thì thường, không chết. Cho nên, thế gian có nửa thường, nửa vô thường.

Thứ ba, ý phần là trời cõi Dục. Do tướng của ý phần, quán quên mất y chết đi, lời nói khác như trước.

Thứ tư, là không nhân thiên định, trực tiếp dùng tri kiến nhanh chóng, nói thế gian là nửa thường, nửa vô thường.

Hai luận Vô Thân: 1- Từ Trời Vô Tướng chết đi, sinh đến trong cõi người, tu được thiên định, thấy quá khứ đã từng vô tâm trong năm trăm kiếp, tâm sinh trở lại. Phải biết thế gian vô nhân mà có. Lại, có người không được thiên định, tâm ngay thẳng, với ý mau chóng nói “Các thế gian vô nhân mà có”.

Bốn là luận hữu biên, vô biên: Khí thế gian hữu biên.

Y cứ trên, dưới vì nói: “Sức thần thông chỉ biết Ni-tra, không biết trên còn có địa ngục. Phía dưới vượt quá thủy phong luân, không biết còn có Ni-tra, cho nên nói là hữu biên. Bên cạnh lại thấy vô biên, lại dùng thiên nhãn vì ngang dọc đều thấy, nên nói: “Vừa hữu biên, vừa vô biên. Thấy ở kiếp hoại, gọi là chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên”.

Bốn là bất tử kiểu loạn luận, tức hỏi khác, đáp khác:

1/ Ta không biết thiện ác là có được quả báo hay không được quả báo”

2/ Không biết là có đời sau, hay không có đời sau?

3/ Lại nghĩ: “Ta không biết cái gì là thiện? Cái gì là bất thiện?

Nếu có người hỏi, sẽ lấy đây để đáp. Việc này như thế, việc này không như thế. Việc này khác, việc này không khác. Việc này cũng khác không khác v.v....

Thứ tư, là trực tiếp do ngu đần vô tri, e có người lại hỏi lại dùng ý nghĩ này để đáp. Mười tám kiến chấp này khởi chấp mé trước, bốn mươi bốn kiến, khởi chấp ở mé sau.

Luận Mười sáu hữu tướng, là bốn trường hợp trong Sắc: Hữu sắc, hữu tướng, Vô Sắc hữu tướng v.v..., hữu biên hữu tướng v.v.... Vô biên hữu tướng v.v... cũng có bốn.

Một là tướng, có tướng, ngân ấy tướng, có tướng ít tướng, vô lượng tướng; có tướng khổ, có tướng vui; có tướng khổ vui; có tướng không

khổ không vui.

Luận Tám vô tướng, chỉ bốn trong sắc, bốn trong biên, vì vô tướng nên không được nói “Tám trường hợp một tướng, tướng ngần ấy khổ, vui v.v....”

Luận tám phi hữu tướng, phi vô tướng, lại y cứ bốn trong sắc, bốn trong bốn biên là tám.

Bảy đoạn kiến: Lại, trong chấp nhân, bỏ thân này xong, sinh tử rất ráo dứt mất. Có thuyết nói: “Trong con người chẳng phải đoạn diệt. Năm dục ở các tầng trời cõi Dục, tự buông lung mới được đoạn diệt”.

Lại nói “Trời Sắc mới được đoạn diệt”.

Có thuyết nói “không xứ”. Cho đến có thuyết nói “Phi tướng mới được đoạn diệt, cõi khác chẳng phải đoạn diệt”.

Luận năm hiện pháp Niết-bàn:

1/ Trời dục và hiện thân con người là Niết-bàn.

2/ Người nói: “Chấp này chẳng đúng, tức có Niết-bàn. Người khác không biết, nói là có lia giác, quán sinh tử v.v..., nhập định Sơ thiền, thậm chí chấp thiền thứ tư cho là Niết-bàn.

Ở đây nói rằng hiện, nghĩa là chẳng phải ở vào thời gian sau, mà hiện thân người kia mới được Niết-bàn, giải thích rộng nghĩa sáu mươi hai kiến, như Bản địa phần và trong Quyết trạch phần).

Nói năm thứ như thế, lại lược làm ba:

1. Luận thường kiến: Tức ba thứ trước.

2. Đoạn kiến, tức bảy kiến đoạn diệt.

3. Hiện pháp Niết-bàn luận, tức là tà kiến.

Dưới đây, sẽ nói về nhân duyên sinh khởi của sáu mươi hai kiến, có sáu:

1/ Do nhân duyên. Nghĩa là thân kiến kia dùng làm nhân duyên: Y cứ làm duyên tăng thượng gần, sinh ra sáu mươi hai kiến, nên gọi là nhân duyên.

2/ Do tà giáo cũng sinh chung sáu mươi hai kiến.

3/ Do tính lự, nghĩa là ở trước nghe nói ba luận trước trong tất cả luận về thường, ba luận trước trong luận một phần thường.

4/ Hữu biên luận, một loại đầu trong hai luận Vô nhân, tu được định, mới chứng trụ quyết định, gọi là Y tính lự.

Nói “Lại, tính lự này có hai, cho đến “Túc trụ tùy niệm Câu hành”, nghĩa là trong chấp ba thường luận của mé trước, do sự khác nhau của thanh tịnh phẩm thượng, trung, hạ và với bốn thứ biên, vô biên luận: Đây là nêu Nhất thiết thường luận. Ba kiến trước nương tựa trí túc mạng

và bốn kiến trong Biên.

“Do sự nhớ nghĩ kia, cáckhí thế giới, phương tiện xuất hiện hai thứ thành, hoại”. Nghĩa là nói chung, dựa vào hai kiếp này khởi ba thường kiến và bốn biên kiến.

Nói “Nếu có khi nhớ nghĩ lại phần vị của kiếp Thành, thì lúc bấy giờ sinh ba thứ vọng tưởng”. Đây là nói về ba thứ thường kiến (chấp thường), dựa vào kiếp thành mà khởi.

“Nếu có người hoàn toàn nhớ nghĩ thượng, hạ v.v...” trở xuống, là nói dựa vào kiếp Thành, khởi ba biên kiến trước, dựa vào kiếp hoại, khởi lên biên kiến sau, nghĩa là chẳng phải tưởng hữu biên, chẳng phải tưởng vô biên.

Lại có luận vì nương tựa các tính lự, nên phải biết rằng, hoặc nói một phần thường luận, nghĩa là một phần thường kiến của ba luận trước.

Hoặc nói Vô nhân luận, nghĩa là một vô nhân luận đầu tiên. Hoặc nói luận Bất tử kiểu loạn: Bất tử kiểu loạn, là gốc Bà-la-môn chấp khổ mà thờ trời. Y theo tính lự thực hành bốn kiến chấp bất tử kiểu loạn để giải thích vấn nạn của người khác, đời nay là vị trời. “Nên biết rằng, trong đây có hai tịnh thiên cho đến “không có rối loạn mà chuyển v.v...” nghĩa là vì sống lâu không chết. Vì vô lậu, nên gọi là không rối loạn.

“Về sau, không thanh tịnh cho đến “giả vờ rối loạn, để lẫn tránh”, nghĩa là nếu có Bậc thánh dựa vào đạo lý bất tử, kiểu loạn, có ai gạn hỏi, thì người phàm phu kia không thể đáp, nên bèn ủy thác sự việc khác, giả vờ rối loạn để lẫn tránh. Như Đại Phạm Vương vì tránh nạn A-Thâu thật của tịnh mạng, nên khen ngợi mình: “Ta là Đại Phạm tự tại tác giả, thọ giả (người tự tại sáng tạo, tự tại thọ dụng)”.

Nói “Vì tâm định vô tướng đối với các đế, vì không thiện xảo v.v... nên” trở xuống là nói về ý khởi sự giả vờ, rối loạn.

Trên đây, là nói ra trời không chết, không rối loạn đã xong.

Nói không chết, không có rối loạn, người có hành động dua nịnh, cho đến dùng quan niệm này để làm nhà mà tự ở yên. Người kia tự nghĩ: “Nếu có ai gạn hỏi có thể thọ ký thì thọ ký, không thể thọ ký thì không thọ ký, vì chẳng phải tịnh thiên của ta, nên đối với tất cả sự gạn hỏi mang tính cách giấu kín, đều được thọ ký riêng.” Nghĩ như thế xong, thốt lời dèm pha, thù dật, giả vờ rối loạn. Người kia đã trụ tà tư duy như thế, đối với người khác, hay gạn hỏi trời vô lậu đã tự xưng: “Ta không chết, không có rối loạn”. Do ôm lòng e sợ mà không có thọ ký riêng”.

Trên đây, đã nói về ba thứ không chết, giả vờ rối loạn. Dưới đây sẽ nói về câu thứ tư: Không chết, giả vờ rối loạn. Dưới đây sẽ nói về câu thứ tư: Không chết, giả vờ rối loạn nên nói rằng: “Có bốn câu ngu xuẩn v.v..., do dựa vào đời, như văn.

5/ Do dựa vào kiến. Nghĩa là dựa vào ba kiến như trước, nên biết: “Trước đây, đã nhiếp thu năm kiến làm ba, nghĩa là thường kiến, đoạn kiến, tà kiến, gọi là ba kiến. Nhắm vào trong văn đây để nói dựa vào ba kiến, khởi chấp, không đồng với chỗ khác. Như văn trong. Du-già chép: “Kiến mật, kiến mật, tám thường kiến trước trong kiếp ngọn, kiến ngọn. Mười sáu kiến Hữu tướng, Phi vô tướng, hợp với bốn mươi kiến, dùng thường kiến làm tánh. Bảy kiến đoạn diệt trong kiếp mật, kiếp mật, dùng đoạn kiến làm tánh. Bốn kiến biên, vô biên trong kiếp bản, kiến bản.

Hỏi tướng khác, đáp bốn kiến khác, hai kiến không có nhân mà có. Kiến Niết-bàn trong kiếp, kiến mật. Mười lăm kiến này đều dùng tà kiến làm tánh, nên Du-già nói “Trong các kiến chấp của sáu mươi hai kiến, một phần thường kiến của tất cả bốn thường kiến, chấp trước, so đo mé trước. Các luận hữu tướng, luận vô tướng, luận phi tướng, phi phi tướng chấp so đo mé sau. Thường kiến đã được gồm thu trong biên kiến của các kiến này. Luận bảy sự đoạn chấp so đo mé sau, thuộc về kiến đoạn diệt trong biên kiến. Lại, các luận vô nhân chấp so đo mé trước, luận Biên, Vô biên, luận Bất tử kiểu loạn và Luận Hiện Niết-bàn v.v... chấp mé sau, đều thuộc về tà kiến.

Dựa vào thường kiến đó, khởi hữu tướng trong mười sáu kiến: Bốn kiến đầu chỉ nói hữu sắc hữu tướng, Vô Sắc hữu tướng, vừa hữu sắc vừa Vô Sắc, hữu tướng, hữu tướng phi hữu sắc, phi Vô Sắc.

Nay, trong văn này do dựa vào các kiến, nghĩa là dựa vào ba kiến như trước, nên biết. Do dựa vào kiến ban đầu, chấp “ngã” có sắc, hoặc hữu tướng có sắc, hoặc Phi hữu tướng phi vô tướng có sắc: Ba câu trong đây; câu đầu trong bốn câu trước của luận hữu tướng và câu đầu trong bốn câu trước của luận Vô tướng và câu đầu trong bốn câu trước của luận phi hữu tướng, phi vô tướng. Ở đây nói “có sắc” là thường kiến.

Dựa vào kiến thứ hai, chấp “ngã” không có sắc, các kiến khác như trước, nghĩa là chỉ có ba câu. Nói “không có sắc” ở đây là đoạn kiến. Ba câu này thích hợp với câu thứ hai trong luận hữu tướng, luận vô tướng, luận phi hữu tướng và phi vô tướng.

Dựa vào kiến thứ ba, có hai:

1. Nói “ngã” có sắc không có sắc.

2. Nói “ngã” chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc. Ngoài ra như trước đã nói.

1. Chấp ngã có sắc, không có sắc, có tướng.

2. Có sắc, không có sắc, không có tướng.

3. Có sắc không có sắc, Phi hữu tướng, phi vô tướng, tương đương với câu thứ ba của ba luận kia. Hai ngã phi hữu sắc, phi Vô Sắc, hữu tướng là một câu. Hai phi hữu sắc, phi vô sắc vô tướng, ba Phi hữu sắc, phi Vô Sắc, phi hữu tướng, phi vô tướng, tương đương với câu thứ tư của ba luận kia. Đây là dựa vào tà kiến thứ ba mà khởi.

Lại, “Tức chấp ngã là có sắc, đến “một là chấp ngã hẹp nhỏ, hai là chấp ngã vô lượng, nghĩa là cả hai luận trước đều chấp hẹp, nhỏ, kể cả vô lượng. Trong văn, giản lược không nêu kiến thứ ba cũng hữu sắc, cũng vô sắc, cũng hẹp, nhỏ, cũng vô lượng. Chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc, chẳng phải hẹp, nhỏ, chẳng phải vô lượng “Do sự khác nhau của bốn thứ Ngã luận này cho đến “Như trước nên biết”, nghĩa là hẹp, nhỏ trong luận hữu sắc, Vô Sắc tức là hữu biên, vô lượng là vô biên. Cũng hẹp nhỏ, cũng vô lượng, tức là cũng hữu biên, vô biên. Chẳng phải hẹp nhỏ, chẳng phải vô lượng, tức là phi hữu biên, phi vô biên.

Lại, “Tức y chỉ cho đến “Pháp lạc phương tiện”, nghĩa là dựa vào các kiến, ở trước đều nói “ngã” thanh tịnh, giải thoát đối với chỗ sắc dục, đều được tự tại, trụ nơi biến hóa, an trụ tĩnh lực, thọ dụng pháp lạc.

6/ Do xứ sinh, như văn rất dễ hiểu.

Dưới đây kể là thứ ba, nói sáu mươi hai kiến là ba thức suy đồi tổn hại:

Nói “rằng tạp nhiễm”, nghĩa là nói chung, hoặc là xứ tạp nhiễm, nếu chủ thể tạp nhiễm, là bốn chuyển của ba thứ:

1. Thường, vô thường v.v....

2. Hữu biên, vô biên v.v....

3. Mình làm, người khác làm v.v..., đều có bốn trường hợp, gọi là bốn chuyển.

Người kia do vô trí, nên trước, cần phải thu hưởng đạo lý khác nhau thường, vô thường v.v..., sau mới hỏi về khởi.

Lại, người trí đối với Thánh pháp, 1k thể thọ ký sự việc, vì đối với hai đế lý đều không thể ghi nhân. Bốn thứ trong đây, hoàn toàn là mé trước của thường luận. Tức tất cả đều là thường luận có bốn. Vô nhân luận có hai, rất dễ hiểu, đều trước chấp “ngã”, sau chấp thường v.v....

Lại, tức một phần thường luận v.v... của bốn thứ, tức là bốn luận



nửa thường, nửa vô thường v.v....

Thứ ba, trong giải thích hai trí, trước chính là nói về hai trí, để cho kiến thanh tịnh. Sau, tùy nghĩa khó hiểu, dùng các môn để phân biệt.

Trong phần trước có hai: nói về hai trí, khiến cho hai kiến tịnh. Sau, là nói về tu tập, sao cho tịnh khác nhau.

Trong phần trước nói “có hai Trí khiến cho kiến tịnh và kiến khéo thanh tịnh: nghĩa là trí pháp trụ và trí Niết bàn có công năng khiến cho học kiến thanh tịnh, vô học kiến được khéo thanh tịnh.

Trí pháp trụ: Hiểu rõ nhiều tự tướng, cộng tướng nghĩa là thuận với pháp tánh của ba thọ, mỗi thọ đều có tự tướng riêng. Phương tiện biết rõ ba khổ: Khổ khổ, khổ hoại, khổ hành, về lý gọi là chung là cộng.

Trí Niết-bàn: Cái biết dứt hẳn.

Kế là, nói về tu tập, sao cho tịnh khác nhau, có hai lượt:

lượt đầu nói: “Người không có năng lực, có năng lực, tức Tùy tín hành tùy pháp hành.”

Lượt sau nói “Có ba trí hiện quán biên:

1. Trí thuận sinh vô lậu.

2. Trí vô lậu, tức trí căn bản.

3. Trí nối tiếp nhau, sau trí vô lậu, tức trí hậu đắc, Dự lưu được, là trí chánh thể thứ hai. Quả Dự lưu là đạo giải thoát thứ ba. là trí của quả giải thoát thật lý chánh trí chỉ gọi là đế trí, vì nhiếp thu ít theo nhiều, nên cũng gọi là biên. Vả lại, có thể vì đầu tiên trong ba đạo: Kiến, tu, vô học, nên gọi là Biên.

Dưới đây, tùy theo nghĩa khó hiểu, có tám lần “lại nữa”:

Trước là nói về vô dư dứt trừ ba tướng:

1- Do triền v.v... không hiện hành.

2- Do đoạn không có dục, diệt của ba cõi.

3- Do dứt trừ phiền não và sự khổ.

Thứ hai, là nói về năm giới, tức đoạn không có dục, diệt hữu dư, vô dư.

Thứ ba, là nói về cắt bỏ sự của bảy nhiếp thọ, đây là giải thích rộng văn kinh.

Thứ tư, là nói về ba cõi không còn sinh lại nữa, không có sự nối tiếp nhau, không có trung hữu, không có thủ, nghĩa là không có sinh hữu. Không có sinh nhiều là không có hữu sau.

Thứ năm là nói lập ba kiết, nghĩa là vì chưa phát khởi, nên lập thân kiến làm kiết, dù đã phát thú, nhưng vì tà thành lập, nên lập giới thủ làm kiết. Vì không hạnh chánh ở trong chánh pháp, nên lập nghi

làm kiết, tức phẩm tại gia, nghĩa là người khởi thân kiến, ở trong Tỳ-nại-da, nói pháp ác mà phẩm xuất gia, nghĩa là người khởi giới thủ, ở phẩm Tỳ-nại-da, nói pháp thiện, nghĩa là người khởi kiết nghi.

Thứ sáu, là nói hai thứ giải thoát, quyết định.

Thứ bảy, là nói về các lậu giải thoát.

Thứ tám, là nói về bốn tướng của A-la-hán:

Thứ tư, là giải thích phần vị ngu, đầu tiên, là nói về phần vị người ngu có năm:

1. Vì không có sinh đặc tuệ.
2. Vì không có tuệ vô văn, v.v...
3. Vì không có tuệ vô lậu v.v....
4. Vì bị triền ràng buộc.
5. Vì bị tùy miên theo đuổi.

Kế là, nhân nói dài, để nói về chấp giả dối Ngã luận. Trước là nói về ngã luận có bốn. Như Bà sa nói: “Phân biệt Hành “duyên” ám, không phân biệt xứ đã khởi, tức có hai mươi ngã kiến, rằng “Sắc là ngã. “Ngã” ở trong sắc. Sắc thuộc về Ngã, ngã có sắc v.v....

Kế là, nói ngã luận hay khởi tạp nhiễm.

Nói “Vị tùy miên”, nghĩa là ham vui, chấp mắc cảnh giới của Pháp nội, tạm thời bị chướng ngại, mà chẳng phải rốt ráo, tức nhập bảy phương tiện, là địa vị phạm nội, không bao lâu sẽ nhập Thánh, dù có Tùy miên che lấp tạm thời, chẳng phải mãi mãi.

Thứ năm, là giải thích về sự khác nhau của hai kiến. Trước, là lược nói về nghĩa đồng phần, không đồng phần nêu ở của hai kiến lại do bốn tướng trở xuống là giải thích rộng kiến ngã sai khác. Trong phần trước, ngã vô ngã chấp nhân duyên năm uẩn là cảnh, nên gọi là Đồng phần, nhưng đối với năm uẩn ngã kiến tà kiến cho nên nhiễm ô, vì vô ngã kiến chánh chấp cho nên thanh tịnh, vì thế gọi là không đồng phần, y cứ giải thích rộng kiến ngã sai khác, văn chia làm ba: một là nói về bốn tướng tạp nhiễm, hai là nói hai tướng sáu chuyển hiện hành, ba là nói giai đoạn vô minh. Trong phần đầu, luận sư Cảnh nói: một là nhân duyên cho đến không thể lìa bỏ, do hai ngu này, nên đối với vô ngã chấp là ngã, nói duyên tăng thượng để làm nhân duyên. Hai là tự tánh, cho đến không được xa lìa. Do nhân duyên của hai ngu trước nên không thể dứt được tùy miên ngã kiến, cho nên lấy tùy miên làm tự tánh của ngã kiến. Tự tánh là chủng tánh. Ba là do quả, cho đến có lãnh thọ: là lấy ngã kiến làm nương tựa, không thể lìa tùy miên ngã mạn kia. Năng lực của hai tùy miên ngã kiến và ngã mạn này có công năng sanh ra

khổ vui, khởi ngã, ngã sở kiến, v.v... các pháp nhiệm ô đều là ngã kiến, cũng là quả. Bốn đẳng lưu: nghĩa là do sự giữ gìn của năng lực nhân ở trước, cho nên hạt giống tùy theo ý, vì thế thuộc về tà ý, trong ý có hạt giống vô minh và quả vô minh, cho nên chủng tánh vô minh thành gọi là giới. Luận sư Đạt nói: ý đuổi theo, hạt giống ngã kiến này ở trong thức thứ sáu, đây là y theo môn tùy chuyển lý mà nói, rằng hạt giống vô minh: Tân huân thành hạt giống. Vô minh giới: vô tử đến nay huân thành hạt giống, tân và cựu khác nhau. Nói rằng hai thứ, tánh nghĩa của hạt giống rõ ràng, nên nói là giới. Kế là nói do hai thứ sáu chuyển hiện hành, y cứ thế gian chia làm ba: Ngã đối với quá khứ đã từng có hay là không? Ngã đối với vị lai là sẽ có hay sẽ không? Ngã đối với hiện tại là hiện có hay hiện Không? Y cứ Mạn có ba, nghĩa là Ngã là hơn, là bằng, hay là kém, ở đây hai lần ba là sáu, dưới là nói giai đoạn minh, vô minh. Nói vị có ba: là Kiến đạo rồi thì vị văn hữu lậu, hai giai vị kiến và Tu là giai vị minh thứ hai. tâm khéo giải thoát, v.v... là giai vị của minh thứ ba. Giai vị vô minh cũng có hai: Một là trước, hai là sau, vị tùy miên là trước, vị các triền là sau, hai thứ này tuy là đồng thời nhưng phải do tùy miên mà sanh ràng buộc, nên nói là trước, đây là sai khác thứ nhất. Lại kiến đoạn vô minh là trước tu, dứt vô minh là sau. đó là sai khác thứ hai. Thứ sáu là giải thích thánh giáo này, v.v... một là nêu chung thiện ác, hai là tùy nghĩa nói rộng. Trong phần trước, nói là xử thế tôn cho đến xưng là Thế tôn Ót-đà-nam thuyết, hễ Phật nói pháp thì thẳng vậy mà nói, không có Thế tôn Ót-đà-nam thuyết. Lại nói đều là kiết tập gia ngữ. Y cứ trong phần nói rộng, đầu tiên là nói hai thuyết lợi tổn, sau là giải thích văn kinh. Trong phần trước có hai: đầu tiên là chánh nói tướng của hai thuyết lợi tổn, hai là ở chỗ trở xuống, vì nói dài chỉ có pháp không có người, không nên sanh sợ hãi. Trong phần trước, do hai nhân duyên khéo nói trong pháp phát khởi Đại quả: Một là lừa hấn ba khổ, hai là tất cả các kiết dứt hấn. Trong ác thuyết pháp thì hai việc khó được, do y theo thân kiến nên đối với các hành, chỉ nhằm chán khổ khổ, nguyện ngã đương lai sẽ không có ngã khổ, ngã không có khổ”, đây tức là hai, cho đến cho rằng, nỗi khổ ở vị lai sẽ lừa khỏi ngã và, ở vị lai, sẽ không có khổ. Việc này lại là hai, do bốn thứ hành tướng này vượt qua khổ khổ. Đối với hai khổ hoại, khi hành kia đã dứt trừ, còn bất sinh niềm vui, hưởng chi có thể dứt trừ. Do thuận theo khổ kia chưa dứt trừ, nên lạc thọ của ba thiền là khổ hoại. Xả thọ của bốn thiền là khổ hành.

Như thế, hai thọ lạc xả, ngoại đạo chấp làm Ngã, nên hai khổ Hoại, khổ Hành thuận theo cái chưa dứt trừ, nói là Ngã sẽ là không, đối

với điều không nên sợ hãi, lại giả dối sinh sợ hãi. Hai thọ lạc, xả vốn chẳng phải Ngã, chỉ là hai khổ Hoại, khổ Hành. Nay, chán lìa nỗi khổ đó, chứ chẳng phải loại trừ ngã, đầu nhọc công sợ hãi.

Dưới đây, là nói chỉ có pháp, không có người, không nên sinh sợ hãi, được chia làm hai: Đầu tiên, là nêu hai môn của sáu thứ, nói chỉ có pháp, không có người không nên sinh sợ hãi. Sau, là nêu ba môn của năm thứ, để nói.

Trong phần trước, nói “Lại, ở chỗ này cho đến “có chuyển, có nhiễm”, nghĩa là khi khởi sự nhiễm, chỉ có tâm trụ nơi bốn thức trụ. Lại, chỉ có tâm dứt bốn thức trụ, không có chuyển, không có nhiễm. Lại, có bốn y, lại có bốn thủ. Lại có hai duyên: Năng duyên, sở duyên. Lại có sáu thức v.v.... Lại có hai thức trụ, đó là triền và tùy miên.

Ba nhân duyên, nghĩa là ba chữ do. Dưới đây sẽ nêu năm thứ ba môn, chỉ pháp không có nhân, do đó, không nên sinh sợ hãi.

Nói “Do giới cấm, hai thủ thật này trói buộc thân v.v... hai giới, kiến, trói buộc thân, hợp thành một, kiến thủ chấp kiến, đây là thật, vì giả dối khác, nên nói thật này. Kế là có nửa bài tụng, tụng năm thứ ba môn ở trước.

Quả nhân: Trước tụng, nghĩa là ở hiện Pháp, hướng đến Tập đế, “duyên” khổ vị lai v.v.... Thọ lãnh phần vị ba thọ. Đời, tụng ba đời. Ái tụng ba ái, trói buộc tụng ba trói buộc.

Dưới đây là trói buộc văn kinh:

Hỷ, ái thấm nhuần, như trước nên biết, nghĩa là như nói rộng trong nhân các hành: Hỷ là nhân trước, chướng ngại chỗ sinh kia, nhàm, lìa thấm nhuần tự thể. Nói trong nhân chung, không chung của các hành như trước.

Nói “Phải biết rằng, ba thứ này lại có khác nhau: Dục, Sắc, Vô Sắc, như thứ lớp của cõi đó. Luận sư Cảnh nói: “Đầu tiên, Hỷ, ái thấm nhuần, là cõi Dục. Lại, tức thức kia lúc chuyển như thế, ở hai xứ sinh phải biết kết sinh nối tiếp nhau, rộng thêm: 1- Đối với có sắc là cõi Sắc; 2- Đối với không có sắc là cõi Vô Sắc.

Có chỗ giải thích: “Y cứ thủ, chung của con người có ba. Y cứ trong ba cõi trước, cũng có sự khác nhau này: Trước, tức cõi Dục. Kế là, tức cõi Sắc, vì thai mẫn, sau tức Vô Sắc, vì ra khỏi thai sắc.

Nói “Sáu thứ giới của thọ”, nghĩa là sáu thức tương ứng với thọ có sáu thứ. Tưởng, Hành cũng vậy. Giới là nghĩa nhân, tức hạt giống.

Đại tự tại Na-La-Điễn-Noa và Chủ chúng, có chỗ giải thích: “tầng Trời thứ sáu cõi Dục gọi là Đại Tự Tại. Tổ công của Phạm Vương, tên

Na-La-Điễn-Noa. Xưa, bốn Đại vương thiên gọi là Chủ chúng.”

Lại, giải thích: “Đại tự Tại tức Ma-hê-thủ-la ở đỉnh cõi Sắc. Chủ chúng là Phạm Chủ.”

“Lại, người kia ở ý Địa cho đến “Gọi là ý sở hành” Luận sư Cảnh nói: “Đây là nói hệ thuộc bốn thân, gọi là ý sở thành”.

Có chỗ giải thích: “Đây là giải thích Hữu trong môn Dị, do năm nghĩa, nên phương tiện khởi Ái”.

Nói “Lại, do Hữu sau kia cho đến “Y chỉ kiến lập”, nghĩa là do nghiệp cảm của Hữu sau, đã nhiếp giữ hạt giống thức của hữu sau, nên trong chỗ y chỉ của hiện thân này, kiến lập thân thức sẽ sinh”.

Lại, giải thích: “Hạt giống của hữu sau, phải biết là được kiến lập từ hiện thân ở đây. “Vì hạt giống kia không có nên cho đến “Thủy đều diệt hết. Nghĩa là vì hạt giống nơi thức sau không có, thuộc về nghiệp, “hoặc” kia, nên đương lai như trước đã nói về lý khác nhau của ba phần vị như thai v.v... của khác nhau con người lúc đầu, sinh trưởng, rộng lớn, tất cả đều diệt, nên nói rằng đoạn thức trụ. Lại, môn Không giải thoát kia vì nương tựa, nên gọi là không có gì làm v.v... Đây là y cứ môn ba giải thoát, nhằm phối hợp giải thích về không có làm gì v.v... đã nói trong kinh. Nghĩa ấy rất dễ hiểu. Đối với ái, lạc kia, vì thường tu tập, nên khéo được giải thoát, nghĩa là đối với người kia, không có làm, không có ái, ưa thích tu tập, nên được giải thoát của bậc hữu Học. Vì tất cả tùy miên dứt hẳn, nên tâm khéo giải thoát, được giải thoát của bậc Vô học.

Nói “Thức hữu lậu kia cho đến “đều quy về vắng lặng”, nghĩa là đối với hiện thân, chỉ có các thọ như ảnh và thức uẩn như cây. Lúc sắp nhập vô dư, như ngọn đèn sắp tắt.

Nói “Dựa vào triền đầu tiên đoạn, thuyết, gọi là vắng lặng v.v...”. Pháp sư Thái nói: “Vì dứt trừ ba triền, nên như thứ lớp đó được vắng lặng v.v... ”.

Luận sư Đạt nói: “Dựa vào kiến đạo, vì đã dứt trừ hết phiền não, nên gọi là vắng lặng, cho đến địa Vô sở hữu xứ, vì tu hoặc dứt trừ, nên gọi là mát mẻ. Địa Phi tưởng vì tu hoặc dứt hết, nên gọi là yên lặng.”

Có chỗ giải thích: “Vì dứt trừ triền phiền não, nên gọi là vắng lặng. Vì tùy miên dứt trừ, nên gọi là thanh tịnh. Vì Dị thực đoạn, nên gọi là yên lặng.

Lại, do ba duyên, thức thứ thức trụ đều không có sở hữu:

1. Tự thể chẳng phải nhiễm.
2. Chẳng phải pháp nhiễm khác.

3. Vì bạn không có thức nhiễm khác. Nghĩa ấy rất dễ hiểu. thứ sáu, môn Đại. Giải thích chi đoạn v.v.... bài tụng trước nêu bảy môn:

- 1, Chi đoạn.
2. Hiển bày sự thật.
3. Hành duyên.
4. Giáo không có giáo nào bằng.
5. Bốn thứ chung hữu tình.
6. Đạo có bốn.
7. Rốt ráo có năm.

Kế là trong Văn xuôi giải thích, lại có bảy đoạn:

1. Giải thích chi đoạn, quả đã được, gọi là đoạn Nhân làm rõ gọi là chi.

2. Giải thích rõ ràng có mười hai. Luận sư Cảnh nói: “Hiểu rõ như thật:

1) Nghĩa là lắng nghe đều phân biệt, chấp thiện, ác, lại chia làm hai: Chánh giáo là một, hiện, tỉ lượng là hai. Tự, cộng là hai. Tánh như sở hữu, tánh tận sở hữu là hai. Nhập kiến địa, rốt ráo địa là hai.

Luận sư Đạt nói: “Nói mười hai, nghĩa là chấp thiện v.v... nhưng không đầy đủ.”

Có Luận sư giải thích: “1. Lắng nghe; 2. Thiện; 3. Ác; 4. Chánh giáo lượng; 5. Cảnh hiện lượng; 6. Cảnh tỉ lượng; 7. Tự tướng; 8. Cộng tướng; 9. Như sở hữu; 10. Tận sở hữu; 11. Nhập kiến đạo; 12. Nhập địa rốt ráo.

Thứ ba, giải thích hành duyên. Đầu tiên, nêu chung. Kế là, giải thích riêng. Sau, tổng kết.

Trong giải thích riêng, tức có bốn người:

- 1, Phàm phu nội pháp.
- 2, Phàm phu tại gia.
3. Phàm phu ngoại đạo.
4. Hữu học nội pháp.

Trong bốn người, mỗi người đều có hai trường hợp. Trước, nói không như thật. Sau, nói như thật. Pháp sư Thái nói: “Đây là trong bốn người biết không như thật, vì muốn cho họ được thanh tịnh, nên gọi là “chỉ rõ như thật”.

Thứ tư, là giải thích giáo vô đẳng. Trước, là nói giáo vô đẳng. Sau, nói về sự khác nhau của lưu chuyển.

Thứ năm, là giải thích bốn chúng hữu tình. Luận sư Cảnh giải

thích: “1- Nghiệp sinh lên cõi trời, chuyên thực hành buông thả, tức là Ma, Phạm nói ở trước.

2- Hoàn toàn nhân chuyển, nghĩa là mong cầu tất cả Sa-môn v.v... kia.

3- Các chúng hữu tình ưa Niết-bàn.

4- Các chủng loại tạp nhạp: Hoặc đối với quả, ham vui, chấp mắc, thọ dụng, tức là người đầu tiên. Hoặc ưa nhiếp thọ quả ái trong tướng lai, chính là người thứ hai. Nhân hạnh cầu mong quả trước, đôi khi tu tư lương Niết-bàn, xa lìa mọi buông lung, là người thứ ba.

Tùy thích ứng trong ba chúng hữu tình trước, phải biết rằng, biên, tập diệt kia của thế gian, đây là hội tụ sự khác nhau của hai chúng, nên nói: “Phải biết rằng biên Diệt của thế gian”: Là nói về Ma, Phạm ban đầu, thọ quả thế gian là pháp diệt chung. Phải biết rằng, Biên, Tập diệt kia là chúng thứ hai, tu hành cầu nhân sanh cõi trời, là nhóm hợp pháp đoạn diệt. Và Tát-ca-da (thân), biên tập, diệt kia là người thứ ba ưa Niết-bàn, lìa các buông lung. Tất cả nhân quả cũng là khổ, tập Tát-ca-da là thân, tức là khổ đế, hành diệt vô thường. Tập diệt kia, nghĩa là đã lìa buông lung, nên là tập đế kia, là pháp có thể đoạn diệt, gọi là biên, tập diệt kia.

Nói “Trong chúng hữu tình thứ tư kia”, nghĩa là con người, chủng loại lẫn lộn thứ tư. Phải biết rằng, Tát-ca-da là khổ. Tập kia là tập. Diệt kia là diệt. Thu hưởng đạo là đạo Đế. Sự khác nhau, nghĩa là có bốn đế không đồng, nên nói là khác nhau. Pháp sư Thái nói: “Và Tát-ca-da, nghĩa là nói lại thế gian, vì Tát-ca-da là tên khác của thế gian. Tập kia và biên diệt, như thứ lớp đó, là nói lại biên, tập diệt kia.”

Luận sư Đạt nói: “Trong bốn câu này, ba câu trước là nói riêng về ba người. Câu thứ tư nói chung về ba người trước, để làm người thứ tư.

Nói Samôn, Bà-la-môn, nghĩa là Sa-môn, Bà-la-môn của ngoại đạo, những người cầu quả báo sinh lên cõi Trời.

Nói “Phải biết”, nghĩa là lời khuyên văn này có thể nói “nên biết” để khuyên, vì khiến cho khổ diệt v.v....

Thứ sáu, là giải thích về đạo có bốn.

Nói “Ba là dựa vào kiến đạo, Một là dựa vào tu đạo”. Luận sư Cảnh nói: “ Kiến đạo có ba đế trước.”

Tu đạo có đạo đế kia, vì trong tu đạo, có thể dứt trừ tập khác, chứng diệt, tu đạo khác viên mãn, nên được gọi là tu đạo”.

Luận sư Đạt nói: “Một tướng của văn này nói: là chẳng phải đạo lý cùng tận, vì ba nghĩa: biết đoạn và chứng, đủ có thể chứng đắc trong

kiến đạo”.

Thứ bảy, là giải thích rốt ráo có năm:

1- Nói là đã chứng được khổ và nhân khổ, vì dứt hết không có thừa.

2- Có khả năng tạo nên nghĩa của người khác, tất cả nghĩa của mình đều viên mãn.

3- Được dứt trừ rốt ráo và trí.

4- Vì có thể rốt ráo thành Niết-bàn.

5- Đã được nhập xong, bậc thánh kia, trụ trong năng an trụ.

Trong văn không có số 1, 2, v.v... chỉ có chữ “có” thuộc về mong cầu.

Kế là, nói: “Đối với tướng thứ nhất, có bốn thứ khác nhau: như trước nên biết nghĩa là như trước nói:

1/ cắt ái bỏ phụng sự cha mẹ v.v...

2/ Không có mắc nợ.

3/ Vì sinh hữu là không.

4/ Hữu sau là vô sinh.

Đây là đầu tiên, chứng được khổ và nhân khổ vì dứt hết không có thừa. Tướng thứ hai, có A-la-hán dứt hết các lậu v.v... mà có sự khác nhau, như trước nên biết, nghĩa là như trước đã chứng được A-la-hán giải thoát các lậu.

Lại, tương ứng với bốn nghĩa, gọi là tướng A-la-hán.

1- Sự nghiệp của mình đã rốt ráo, phải nên thực hành nghĩa sự khác.

2- Nên được tất cả nghĩa đạo lý đầy khắp nghĩa của mình.

3- Nhân hạnh vị lai đã đoạn diệt hẳn, nên chứng nghĩa hiện pháp lạc trụ.

4- Vượt qua học địa, nhập nghĩa tương ứng của địa Vô học. Đây là văn trước nói có khả năng tác thành nghĩa của người khác, trong khi nghĩa của mình đã được viên mãn.

Về tướng thứ ba, có tất cả sự hạnh rốt ráo, đều được dứt trừ, nghĩa là dứt hết nghiệp. Có rốt ráo không có nhớ, vì tất cả phiền não rốt ráo dứt trừ, dứt hết phiền não. Hai tướng này là đoạn, tức là ở trước nói: “được rốt ráo đoạn. Có phạm hạnh rốt ráo, nghĩa là cùng tận tu đạo, tức là ở trước nói: “Và trí”. về tướng thứ tư, ví như thế gian có đủ năm thứ tướng v.v..., nêu dụ để so sánh với pháp.

Pháp sư Thái nói: “Vì không có hy vọng ở người khác, nên chẳng phải mình, chẳng phải hy vọng cái khác.



Đã hàng phục Ma-la, nên nói “Tràng Phó”, (ngọn cờ ngã).

Giải thích tướng thứ năm, tìm văn sẽ hiểu.

Thứ bảy, là môn Đại, là giải thích hai phẩm v.v.... bài tụng trước kê khai mười một môn, phẩm một, hai tóm lược chung. Ba phẩm kế là, có khác, tức chia làm ba môn thành bốn.

5. Thắng giải.

6. Đoạn.

7. Lưu chuyển.

8. Tánh có.

9. Không khéo thanh tịnh, khéo thanh tịnh.

10. Sư nói thiện, nói ác.

“Đẳng”, là đẳng thủ.

11. Môn.

Kế là trong phần dùng văn xuôi để giải thích, lại có mười một đoạn.

Đầu tiên là giải thích về hai phẩm: Chung, lược. Lược, do ba thứ, gồm thâm chung tất cả phẩm Hắc, phẩm Bạch:

1- Vì pháp đã biết khắp. Nghĩa là nói được chín biến tri xứ, tức tất cả Khổ, Tập hữu lậu.

2- Vì biết khắp: Chính là thể chín biến tri của Trạch diệt.

3- Vì thành biến tri, tức là Thánh đạo và Thánh đệ tử của Phật, Bồ-tát, đều là thành tựu duyên của biến tri. Diệt, Đạo đều là phẩm bạch. Chín biến tri đều gồm thu diệt Đế, nên nói: “Một phần của phẩm bạch”.

Dưới đây nhân nói về pháp không thể thọ ký, nghĩa là “sau Như lai diệt độ, cho đến “cũng không thể thọ ký”: Chín mươi sáu đạo đều xưng là Bản sư, cho là Như lai đầy đủ mười hiệu. Tùy hỏi về chữ “Hạnh”. Sau khi diệt độ, Như lai là “có” hay “không” đều không thể nói. Dưới đây sẽ giải thích lý do:

Vả, dựa vào thắng nghĩa, pháp kia không thể được, hưởng chi là Diệt đạo, hoặc “có” hoặc “không”, nghĩa là giả gọi là Như lai trong thắng nghĩa đế, vốn không thể được, hưởng chi sau diệt độ, Đức Như lai được nói là “có” “không”, nên luận nói: “Về mặt chân đế, hữu vi là không, duyên sinh như huyễn. Vô vi không có thật sự không khởi, dường như hoa đốm trong hư không.

Nói “Nếu dựa vào thế tục cho đến “đâu luận “có” “không” v.v...”, nghĩa là nếu y cứ ở hành hữu vi trong đạo thế tục để lập Như lai, thì thế của hành sau Như lai diệt độ, có thể là không, sẽ y cứ vào đâu để lập

Như lai? Như lai đã “không”, thì đâu luận “có” “không”.

“Nếu đối với Niết-bàn cho đến “thiết lập là “có”, thì không hợp lý”, tức Niết-bàn, là do không có hành, đã chứng tỏ không thể nói “có”, đâu được y cứ vào “có”, “không” kia, để lập Như lai. Lại cũng càng không nên lập ra “chẳng phải có”, chớ nên gây hư hại, lập bày thể Niết-bàn diệu hữu, đã chẳng thể nói “có”, chẳng thể nói “không”, thì đâu được y cứ vào lập bày Như lai, để nói về thể “có” “không”.

“Lại, Niết-bàn này v.v... trở xuống, là nói về tên khác của Niết-bàn. Niết-bàn, chính là hiện tượng được chứng.

“Thế nào là nói “sở lượng” của phi hiện lượng?”

Giải thích: “Chính là “sở lượng” của hiện lượng, của định vô phân biệt. Nay, phân biệt chẳng phải hiện lượng của năm thức tâm tán mà được, nên nói rằng: “Hiện lượng không thể so lượng”.

Thứ hai, giải thích về sự gánh vác trong, ngoài có khác. Chủ thể gánh vác, đối tượng gánh vác của pháp trong, đều lấy nghĩa tánh của năm thọ uẩn để chia ra “năng” “sở”. Có đức bên trong v.v..., là đối tượng gánh vác, cũng có thể ba câu như thường xuyên gánh vác v.v..., gọi là ba đức.

Thứ ba, là giải thích về sự ràng buộc trong, ngoài có khác: Nói ràng buộc bên ngoài, dễ hiểu rõ.

Nhân duyên ràng buộc ràng buộc, phương tiện giải thoát của giải thoát. Luận sư Cảnh nói: “ Nhân duyên của ràng buộc bên ngoài chẳng phải chỉ một thứ, nên lập lại rằng ràng buộc của ràng buộc. Được giải thoát cũng chẳng phải một hiện tượng, do đó nên nói lại giải thoát.

Lại có giải thích khác: “Sự ràng buộc bên ngoài dễ có thể biết rõ. Sự ràng buộc và nhân duyên ràng buộc, giải thoát và nhân duyên giải thoát. Sự ràng buộc bên trong, tất cả khó biết.

Thứ tư, là giải thích đồng phần, không đồng phần của Phật và A-la-hán. Đây là thứ ba có khác. Đức Như lai và A-la-hán tuệ giải thoát đều do một tướng, gọi là đồng, nghĩa là đồng giải thoát. Do ba thứ tướng, gọi là dị phần:

- 1- Hiện Đăng giác.
- 2- Chủ thể nói pháp
- 3- Thực hành hạnh chánh.

Trong phần trước có bốn:

1) Trong đây Đức Như lai tự nhiên tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, thể hiện Đăng Chánh Giác.

2) Đăng chánh giác xong, thì thấu rõ các pháp.

3) “Liễu đạt(thấu rõ) pháp vượt hơn như thế” v.v... trở xuống, là nói về hai chương của giải thoát.

4) Làm bậc thầy giải thoát cho các chúng trời là bậc thầy giải thoát. Độc nhất không có hai. Hiểu rõ bốn tướng này, gọi là Tự nhiên Đẳng giác Bồ-đề, không chung với Thanh văn.

Lại “Dựa vào nghĩa của người khác” trở xuống, là nói năng thuyết không chung, có năm tướng kia, như văn. Ba là nói hạnh chánh không chung có ba:

1) Thanh văn trước nương tựa Như lai, sau, tự hành chánh hạnh. Đức Như lai không có ít đối tượng nương tựa. (Sở y).

2) Đề dựa vào tánh của tự tánh, thực hành hạnh chánh.

3) Nói về hai hạnh: có thể được khác với không thể được. Thanh văn chỉ có thành tựu, không thành tựu, chẳng phải sau cùng có hai hạnh trong thân Bồ-tát có thể được, nghĩa là thành tựu, không thành tựu là một. Lại nữa thân hiện hóa sắp thành chánh giác, thân sau cùng hậu hữu là hai. Nếu đã thành tựu thì Bồ-tát kia ở trong hiện pháp đã thành giáo của Đại sư, tức là ta đã khiến nhập Niết-bàn vô dư mà diệt độ. Hiện pháp được lợi ích nói lên công năng của giáo, nên nói thành giáo của Đại sư. Cũng có thể đã thành tựu, nghĩa là khả năng có thể phó chúc pháp Tạng của Đại sư, nên nói “Thành tựu giáo của Đại sư.

Thứ năm, là giải thích thắng giải.

Thứ sáu, giải thích hai đoạn.

Thứ bảy, giải thích lưu chuyển, đều như văn rất dễ hiểu.

Thứ tám, là giải thích có tánh trước, nói về tánh của ba có là pháp đáng dứt bỏ. Sau, nói về ba đoạn là chủ thể trị, nghĩa là không nghĩ đến luyến ái, trừ tánh có đầu tiên. Không ưa vui, nghĩa là dứt trừ hai tướng trước. Là diệt v.v... tức là giới đoạn, giới không có dục, giới diệt, trừ tướng thứ ba kia.

Thứ chín, là giải thích thanh tịnh bất thiện.

Thanh tịnh bất thiện, tức, tức quán không vô ngã hữu lậu của Kiến đạo trở xuống, hàng phục ngã, ngã sở.

Lại, hàng phục bốn trói buộc và ba sở hữu. Ba sở hữu gồm thu bốn trói buộc, đều như văn. Bốn căn lành tạo nên hạnh vô ngã, nên thuộc về địa định. Phải biết rằng, do hai nhân duyên thanh tịnh bất thiện:

1) Nói về hạnh không vô ngã, với ngã kiến và ngã mạn có gián cách mà khởi.

2) Khiến cho nhân duyên hiện hành của pháp kia, nghĩa là đối với các dục, hoặc Tát Ca Đa có thức nhiễm ái như thế, nên không thể biết

khấp, tức là bị á của Tát-ca-da làm nổi, chìm. Do ý lạc này, nên không thể thu nhập Niết-bàn kia. Lại, do tám tướng rất dễ hiểu rõ khấp, trừ các tai hại lỗi lầm.

Lại “ở trong đây v.v... trở xuống, là tám tướng mới xuất nhập, cho đến nói: Phải biết rằng, trong đây trừ pháp kia dục thứ tám kia, kể cả pháp diệt. Do bảy tướng còn lại, quán sát ba đời đã có tai hại lỗi lầm, do tướng bị dứt trừ, quán xuất ly kia.

Nơi, “phải biết rằng trong đây, do ở trước đã gọi là trí thông đạt”, nghĩa là trí vô ngã hữu lậu của Địa tiên, do về sau, gọi là kiến thanh tịnh thiện, trí trong kiến đạo.

Thứ mười, là giải thích sự khác nhau của thầy, trò nói thiện, nói ác, do năm tướng:

1) Vì trụ, nghĩa là ngoại đạo ở chốn ồn ào náo nhiệt. Pháp Phật trụ nơi vắng lặng.

2) Do ngữ trị chúng, nghĩa là ngoại đạo hy vọng trong, đồ chúng đệ tử của mình, chúng nói sẽ thừa nhận chúng: ta là thầy chúng. Vì đệ tử của ngoài đạo có số lượng hạn chế, nên gọi là hữu lượng. Đức Như lai dù làm Đấng Đại sư vô thượng của tất cả vô lượng trời, người trong thế gian, đồng tôn kính, nhưng Ngài không có hy vọng.

3) Do luận quyết định lựa chọn, rất dễ hiểu.

4) Do kiến lập, mở mang, làm rạng rỡ đạo.

Trước, là nói về tướng ngoài có bảy câu. Câu thứ bảy, đối với ngữ thích ứng đã nói, như ngữ đã nói, vì không như thật biết, nên gọi là không biết lượng. Vì không biết như thật trong lời nói ở chỗ này, nên gọi là “không biết” nhân.

Kế là, chỉ rõ chung pháp bên trong, do năm hạnh. Lại, các ngoại đạo dù không có thuyết khác v.v... nhưng trước, buông sau phá.

Thứ mười một, giải thích khổ, vui không nhất định, tức là môn đã lấy chữ “Đẳng” trong bài tụng.

Trong văn, đầu tiên, là chia chương, lập tông, tức khổ, vui đều có bốn tướng dựa vào ba sự. 2- giải thích theo thứ lớp. Trước là y cứ vào chỗ sinh. Nói lạc, là khởi tĩnh lự thứ ba, ở chỗ lạc thọ tăng mà nói.

Đã theo đuổi lạc, nghĩa là ở trong con người chấp nhận có hai thứ. Luận sư Cảnh nói: “Nổi khổ, vui trong con người đều khởi, nhưng gọi là đã theo đuổi lạc thọ”.

Luận sư Đạt nói: “Vì tùy miên lạc trong con người theo đuổi, nên gọi là “đã theo”. Vì đã có hạt giống của hai thứ khổ, vui, nên nói chấp nhận có hai thứ.

Nói chưa lìa hẳn niềm vui, nghĩa là ở tính lự thứ tư trở lên, dù niềm vui không hiện hành, nhưng vẫn thành hạt giống vui, gọi là chưa lìa hẳn. Nỗi khổ trong đây, được nói là ở quý, súc, nghĩa là ở đây y cứ một phần quý, súc, nơi thuần thọ khổ, gọi là tự tánh khổ”.

Hỏi: “Trước kia nói niềm vui trong đây, tức y cứ ở xứ rất vui, nói là ở thiên thứ ba. Nay, nói khổ, vì sao không nói nỗi khổ cùng khắp ở Na lạc ca (địa ngục) mà nói là ở quý, súc ư?”

Giải thích: “Về mặt lý, thật sự có khổ. Nay, y cứ có một phần trong quý, súc, thuần thọ khổ, nên nói rằng quý, súc. Khổ cùng khắp, mới nói là ở Na-lạc-ca”. Lại hỏi:

Vấn quyết định lựa chọn ở trước đã thành tựu trong căn, rằng, ưu căn trong địa ngục, thành tựu không hiện hành. Nay, vì sao nói rằng ưu khổ cùng khắp?

Giải thích: “Y cứ vào sự thọ khổ cùng cực ở địa ngục. Trong địa ngục kia khởi nỗi lo, cũng gọi là khổ, nên nói chỉ hiện hành khổ. Nay, y cứ nỗi khổ lo, sáu thứ vì khổ riêng, nên nói rằng “khổ lo cùng khắp”.

Kế là, dựa vào thọ để nói. Lại, nói lạc, nghĩa là phần vị hiện tiền của bất khổ, bất lạc thọ. Luận sư Cảnh nói: “Lúc xả thọ khởi, chẳng phải khổ cũng gọi là lạc”.

Pháp sư Thái nói: “ Bất khổ, bất lạc thọ, vì là vắng lặng nên gọi là lạc.

Đã theo đuổi lạc, nghĩa là phần vị hiện tiền của khổ thọ, bấy giờ, du sau khổ, gặp duyên thuận, khởi lạc ngay, gọi là theo đuổi lạc.

Hỷ lạc cùng khắp: phần vị hiện tiền của lạc, không lìa hẳn lạc, nghĩa là đối với tất cả phần vị, vì hạt giống lạc đã theo đuổi, nên trái với lạc này, gọi là sự khác nhau của khổ.

Nên nói là khổ, nghĩa là phần vị hiện tiền của bất khổ, lạc thọ.

Khổ đã theo đuổi, nghĩa là phần vị hiện tiền của lạc thọ, khổ lo cùng khắp, nghĩa là phần vị hiện tiền của khổ thọ.

Không lìa hẳn nghĩa là vì tất cả phần vị đã theo đuổi nhân khổ.

Dưới đây là y cứ ở cuộc đời để nói. Lại, lạc, nói là thuận lạc hạnh và vui xong, diệt, nghĩa là thuận với lạc hạnh quá khứ là ngay từ đầu có niềm vui đã theo đuổi, nghĩa là có nhân vui ở đời vị lai, sẽ sinh khởi niềm vui. Mừng vui cùng khắp, nói là thuận theo xứ vui ở hiện tại, nghĩa là thuận với lạc hạnh ở hiện tại và lạc thọ.

Chưa lìa hẳn niềm vui, nói là hai đời khác, nghĩa là ngoài pháp lạc thọ, vì còn có nhân vui, nên gọi là chưa lìa hẳn.